

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ KHÍ NÔNG NGHIỆP																																				
THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025																																				
Tuần 17: Từ 05/05 Đến 11/05/2025																																				
LỚP			62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3																	
Thứ	Buổi	Tiết																																		
Thứ 2 05/05	Sáng	1		SCADA- Mạng truyền thông công nghiệp Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)		Tính toán và lựa chọn hệ thống làm lạnh Triệu Đình Sơn (X22.301.LTCM)	Tiếng Anh chuyên ngành Trần Quốc Phương (X22.101)	CAD/CAM - CNC Bùi Thị Len (Phòng CAD/CAM/CNC)										HĐHNTN 12_2 Chu Thị Tĩnh (H5.201)																		
		2																																		
		3																													Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)					
		4																																		
		5																														Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)				
	Chiều	6	Kỹ thuật cảm biến (Cảm biến thông minh - vi điều khiển - PLC - Truyền tin công nghiệp) Phạm Duy Quyết (X22.103)						CAD/CAM - CNC Bùi Thị Len (Phòng CAD/CAM/CNC)		Bảo trì hệ thống mạng Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)			Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)		Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.101)																
		7																															Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)			
		8																										CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Văn (H5.202)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyền (H5.101)			
		9																																		
		10																										HĐHNTN 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	HĐHNTN 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	HĐHNTN 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)	HĐHNTN 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)		HĐHNTN 12_2 Lưu Thị Thuý (H5.202)	HĐHNTN 12_2 Lê Thị Tổ Quyên (H5.101)		
Thứ 3 06/05	Sáng	1		SCADA- Mạng truyền thông công nghiệp Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)		Tính toán và lựa chọn hệ thống làm lạnh Triệu Đình Sơn (X22.301.LTCM)	Tiếng Anh chuyên ngành Trần Quốc Phương (X22.101)	CAD/CAM - CNC Bùi Thị Len (Phòng CAD/CAM/CNC)		Bảo trì hệ thống mạng Phùng Ngọc Hùng (H2.203_TH Tin Đại cương)								Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.201)		Toán 12_2 Nguyễn Tiến Hiền (H5.203)																
		2																																		
		3																														CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)		Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyền (H5.203)		
		4																																		
		5																														Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.201)		Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.203)		
	Chiều	6	Kỹ thuật cảm biến (Cảm biến thông minh - vi điều khiển - PLC - Truyền tin công nghiệp) Phạm Duy Quyết (X22.103)					Tiếng Anh chuyên ngành Trần Quốc Phương (X22.101)		Bảo trì hệ thống mạng Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)									Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)	Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)												
		7																																		
		8																																		
		9																																		
		10																																		
Thứ 4 07/05	Sáng	1		SCADA- Mạng truyền thông công nghiệp Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)		Tính toán và lựa chọn hệ thống làm lạnh Triệu Đình Sơn (X22.301.LTCM)	Tiếng Anh chuyên ngành Trần Quốc Phương (X22.101)	CAD/CAM - CNC Bùi Thị Len (Phòng CAD/CAM/CNC)		Bảo trì hệ thống mạng Phùng Ngọc Hùng (H2.203_TH Tin Đại cương)								Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.203)																		
		2																																		
		3																															CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Tiến Hiền (H5.203)			
		4																																Toán 12_2 Nguyễn Tiến Hiền (H5.203)		
		5																																Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tổ Quyên (H5.203)		
	Chiều	6	Kỹ thuật cảm biến (Cảm biến thông minh - vi điều khiển - PLC - Truyền tin công nghiệp) Phạm Duy Quyết (X22.103)							Bảo trì hệ thống mạng Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)								Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.407)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.407)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuý (H5.202)	Vật lý 12_2 Chu Thị Tĩnh (H5.302)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Văn (H5.202)											
		7																																		
		8																																	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuý (H5.202)	
		9																																		
		10																																		

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025																				
Tuần 17: Từ 05/05 Đến 11/05/2025																				
LỚP			62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVGK1	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVS4	
Thứ	Buổi	Tiết																		
Thứ 2 05/05	Sáng	1	HĐHNTN 12_2 Chu Thị Tĩnh (H5.201)			HĐHNTN 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	HĐHNTN 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐHNTN 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐHNTN 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	HĐHNTN 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐHNTN 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐHNTN 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)		HĐHNTN 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)		HĐHNTN 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)				
		2																		
		3	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)			Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Vật lý 12_2 Chu Thị Tĩnh (H5.101)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Vật lý 12_2 Chu Thị Tĩnh (H5.101)		Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)		Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.102)				
		4	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)				Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)			CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)		CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)					
		5					Toán 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)		CCĐ Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)				Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)		Toán 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)				
	Chiều	6		Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.101)									Hoá học 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.302)		CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)		Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.103)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.103)	
		7		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)										Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyền (H5.303)		CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuý (H5.103)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuý (H5.103)			
		8		Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.202)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyền (H5.101)							Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)		CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)						
		9		HĐHNTN 12_2 Lưu Thị Thuý (H5.202)	HĐHNTN 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.101)								HĐHNTN 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)		HĐHNTN 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)		HĐHNTN 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.103)	HĐHNTN 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.103)		
		10																		
Thứ 3 06/05	Sáng	1	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.201)		Toán 12_2 Nguyễn Tiến Hiền (H5.203)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.102)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)		CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuý (H5.301)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.102)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)		
		2				CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)			Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)				CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)	Địa lí 12_2 Đương Thị Hồng (H5.304)	Địa lí 12_2 Đương Thị Hồng (H5.304)		
		3	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)		Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyền (H5.203)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.103)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)				
		4	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.201)		Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.203)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)		CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.301)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.103)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.102)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)	
		5				Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)			Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)		Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.301)						
	Chiều	6		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)										Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)						
		7																		
		8		Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)										CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)						
		9																		
		10		CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)										Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)						
Thứ 4 07/05	Sáng	1		Địa lí 12_2 Đương Thị Hồng (H5.203)	CCĐ Toán học 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)					Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)		CCĐ Ngữ văn 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)		CCĐ Toán học 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)
		2			CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)							Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)			Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.301)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)			
		3			CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Tiến Hiền (H5.203)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)				CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.306)				Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.201)	Toán 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Văn (H5.304)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Văn (H5.304)	
		4			Toán 12_2 Nguyễn Tiến Hiền (H5.203)	Toán 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)				Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)		Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)	Toán 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.304)		Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.304)	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.304)		
		5			Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)					Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.306)					CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)				
	Chiều	6	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuý (H5.202)					Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.101)			Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.101)			Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.303)					
		7	Vật lý 12_2 Chu Thị Tĩnh (H5.302)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.202)																
		8	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.302)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuý (H5.202)					Vật lý 12_2 Chu Thị Tĩnh (H5.101)				Vật lý 12_2 Chu Thị Tĩnh (H5.101)		CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.303)					
		9			Địa lí 12_2 Đương Thị Hồng (H5.202)					CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuý (H5.101)				CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuý (H5.101)		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)				
		10	Vật lý 12_2 Chu Thị Tĩnh (H5.302)												Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Văn (H5.303)					

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025																																					
Tuần 17: Từ 05/05 Đến 11/05/2025																																					
LỚP			62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A																		
Thứ	Buổi	Tiết																																			
Thứ 2 05/05	Sáng	1		HĐHNTN 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)		Điều khiển điện - khí nén Đỗ Tiên Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Lập trình PLC Trần Văn Kiên (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)		Tiếng anh 4 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.108_CNTT)	PLC cơ bản Lê Kiên Cường (X22.203)	Phay Nguyễn Thị Hạnh (X10.05_Xưởng TH Khoa Cơ khí)								HĐHNTN 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)																		
		2																																			
		3		Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)																					Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.407)												
		4		CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)																						Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiền (H5.407)											
		5		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)																																	
	Chiều	6	Hoá học 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.302)		CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)		Tiếng anh 4 Triệu Văn Dũng (X23.302.LTCM)	Tiếng anh 4 Trần Thu Hương (H3.207)	Hệ thống máy lạnh công nghiệp Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.307)	Tiếng anh 4 Nguyễn Hồng Yên (H3.107_CNTT)	Tiếng anh 4 Trần Thu Hương (H3.207)	Tiếng anh 4 Trần Thu Hương (H3.207)									Điện tử công nghiệp Hoàng Văn Quân (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)																
		7			Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyền (H5.303)																																
		8	Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)		CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)																																
		9	HĐHNTN 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)																																		
		10			HĐHNTN 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)																																
Thứ 3 06/05	Sáng	1		CCĐ Lịch sử 12_2 Luu Thị Thủy (H5.301)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)	Điều khiển điện - khí nén Đỗ Tiên Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Lập trình PLC Trần Văn Kiên (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)	Tiếng anh 4 Trần Thu Hương (H3.208)		PLC cơ bản Lê Kiên Cường (X22.203)	Phay Nguyễn Thị Hạnh (X10.05_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Tiếng anh 4 Trần Thu Hương (H3.208)	Tiếng anh 4 Trần Thu Hương (H3.208)					Bảng tính điện tử Nguyễn Thị Hương (H3.203_TH Máy tính)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.407)																		
		2																																			
		3		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.103)																								Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)								
		4		CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.301)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.103)																									Hóa học 11_2 Nguyễn Thị Tuyền (H5.407)							
		5		Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.301)																																	
	Chiều	6	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)				Tiếng anh 4 Triệu Văn Dũng (X23.302.LTCM)	Hệ thống máy lạnh công nghiệp Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.307)														Điện tử công nghiệp Hoàng Văn Quân (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)															
		7																																			
		8	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)																																		
		9	Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)																																		
		10																																			
Thứ 4 07/05	Sáng	1	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)		Điều khiển điện - khí nén Đỗ Tiên Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Lập trình PLC Trần Văn Kiên (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)		Tiếng anh 4 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.107_CNTT)	PLC cơ bản Lê Kiên Cường (X22.203)	Phay Nguyễn Thị Hạnh (X10.05_Xưởng TH Khoa Cơ khí)		Xử lý bảng tính Trần Việt Anh (TV_THI TN03)					Bảng tính điện tử Nguyễn Thị Hương (H3.203_TH Máy tính)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)																		
		2	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.301)																					Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiền (H5.407)												
		3	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.201)																								Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.407)										
		4			Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)																						Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Văn (H5.407)										
		5	CCĐ Lịch sử 12_2 Luu Yến Ngọc (H5.201)																									CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiền (H5.407)									
	Chiều	6			Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.303)		Điều khiển khí nén- thủy lực Đỗ Tiên Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Hệ thống máy lạnh công nghiệp Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.307)						Vận hành máy xếp dỡ hàng hóa Quách Hữu Việt (I)				Quản lý dự án công nghệ thông tin Phan Hoàng Lan (H3.108_CNTT)	Truyền động điện Nguyễn Anh Đức (X23.201.Phòng học Truyền động điện)	Điện tử công nghiệp Hoàng Văn Quân (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)																	
		7																																			
		8			CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.303)																																
		9			Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)																																
		10			Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Văn (H5.303)																																

LỚP			63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL	63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT
Thứ	Buổi	Tiết																	
Thứ 5 08/05	Sáng	1			Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng ()	Tiếng anh chuyên ngành Cao Thị Thu ()	Trang bị điện Nguyễn Thị Hương ()	Trang bị điện Nguyễn Trung Tuệ ()				Điều khiển khí nén- thủy lực Lỗ Văn Ba ()	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Bùi Công Kết (X22.307)		Hệ thống máy lạnh dân dụng Luu Quang Hưng (X22.309)	Thiết kế mạch bảng máy tính Phạm Đức Tùng (X22.204)	Vi điều khiển Phạm Ngọc Ánh (X22.109)		
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6	Trang bị điện Trình Xuân Bình (X23.208.Phòng học PLC)	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)					Trang bị điện Ng Hồng Thao ()		Điều khiển khí nén- thủy lực Nguyễn Văn Tinh ()		Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Lê Trung Thịnh (X22.304)				Thiết kế mạch bảng máy tính Phạm Đức Tùng ()	Lập trình C cho vi điều khiển Nguyễn Văn Chiêu ()	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 6 09/05	Sáng	1	Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng ()	Tiếng anh chuyên ngành Cao Thị Thu ()	Trang bị điện Nguyễn Thị Hương ()	Trang bị điện Nguyễn Trung Tuệ ()				Điều khiển khí nén- thủy lực Lỗ Văn Ba ()	Ktra: Hệ thống điều hòa không khí cục bộ -1-2-2024(N02) Bùi Công Kết (X22.307)						
		2																	
		3	Lịch sử 11_2 Luu Thị Thuý (H5.307)	Lịch sử 11_2 Luu Thị Thuý (H5.307)															
		4																	
		5	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)															
	Chiều	6		Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)							Điều khiển khí nén- thủy lực Nguyễn Văn Tinh ()						Thiết kế mạch bảng máy tính Phạm Đức Tùng ()		
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 7 10/05	Sáng	1	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)															
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6																	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Chủ nhật 11/05	Sáng	1																	
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6																	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025																															
Tuần 17: Từ 05/05 Đến 11/05/2025																															
LỚP			63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4	64CCK1	64CDC1	64CDH1	64CBL1	64CĐT1												
Thứ	Buổi	Tiết																													
Thứ 2 05/05	Sáng	1	HDHNTN 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	HDHNTN 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)			HDHNTN 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	HDHNTN 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	HDHNTN 11_2 Nguyễn Văn Thành (H5.302)	HDHNTN 11_2 Nguyễn Văn Thành (H5.302)	HDHNTN 11_2 Chu Văn Quang (H5.402)	HDHNTN 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HDHNTN 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HDHNTN 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)		Tách: Điện tử cơ bản-1-2-2024(N04) Trần Thị Thơm (...) Điện tử cơ bản-1-2-2024(N05) Hoàng Văn Quân (...)	Thiết bị điện gia dụng Phạm Quang Thắng (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Nguyễn Trí Đức (X22.304)													
		2	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)			Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiền (H5.202)	Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiền (H5.202)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.402)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Tin 11_2 Nguyễn Thị Hương (H5.303)																	
		3	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)			CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiền (H5.202)	CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiền (H5.202)				Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)		CCĐ Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)																
		4							Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	Tin 11_2 Nguyễn Thị Hương (H5.402)																				
		5	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)			Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.303)																		
	Chiều	6	Phần mềm mã nguồn mở Tạ Ngọc Dũng (H3.111_TH THCB)		Photoshop Phùng Thị Minh Phương ()		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LẠI + SÁNH TÀNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Ngọc Viên (X11.206.PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÂM MẬT+ SÁNH TÀNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TÀNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TÀNG 3)		Văn bản pháp qui Nguyễn Thị Hương (H3.203_TH Máy tính)	Thiết kế trình diễn trên máy tính Đồ Viết Tuấn (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Máy và dụng cụ cắt Vũ Minh Cường (X10.204_PHLT Khoa CK)				Kỹ thuật số Nguyễn Minh Khang (X22.109)													
		7																													
		8																													
		9																													
		10																													
Thứ 3 06/05	Sáng	1	CCĐ Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)	CCĐ Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)			Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.202)	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.202)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thị Tuyền (H5.302)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thị Tuyền (H5.302)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.402)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)		Tách: Điện tử cơ bản-1-2-2024(N04) Trần Thị Thơm (...) Điện tử cơ bản-1-2-2024(N05) Hoàng Văn Quân (...)	Thiết bị điện gia dụng Phạm Quang Thắng (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Nguyễn Trí Đức (X22.304)													
		2	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)			CCĐ Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.202)	CCĐ Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.202)																							
		3	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.406)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.406)			Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiền (H5.202)	Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiền (H5.202)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.302)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.302)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.402)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Kim Thành Nam (H5.303)																	
		4	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)					Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.402)	Tin 11_2 Phan Hoàng Lan (H5.403)	Tin 11_2 Phan Hoàng Lan (H5.403)	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.303)																	
		5	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)			CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuý (H5.202)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuý (H5.202)																							
	Chiều	6	Phần mềm mã nguồn mở Tạ Ngọc Dũng (H3.111_TH THCB)		Photoshop Phùng Thị Minh Phương ()		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LẠI + SÁNH TÀNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Ngọc Viên (X11.206.PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÂM MẬT+ SÁNH TÀNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TÀNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TÀNG 3)		Văn bản pháp qui Nguyễn Thị Hương (H3.203_TH Máy tính)	Thiết kế trình diễn trên máy tính Đồ Viết Tuấn (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Máy và dụng cụ cắt Vũ Minh Cường (X10.204_PHLT Khoa CK)				Kỹ thuật số Nguyễn Minh Khang (X22.108)													
		7																													
		8																													
		9																													
		10																													
Thứ 4 07/05	Sáng	1	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.406)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.406)			Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuý (H5.202)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuý (H5.202)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.302)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.302)	Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.402)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.403)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.403)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)		Tách: Điện tử cơ bản-1-2-2024(N04) Trần Thị Thơm (...) Điện tử cơ bản-1-2-2024(N05) Hoàng Văn Quân (...)	Thiết bị điện gia dụng Phạm Quang Thắng (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Nguyễn Trí Đức (X22.304)													
		2	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)					Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)		Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)	Kim Thành Nam (H5.303)																	
		3	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)			Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)	CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.402)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)																	
		4	Tin 11_2 Vũ Lệ Thu (H5.406)	Tin 11_2 Vũ Lệ Thu (H5.406)			Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.202)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.202)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuý (H5.302)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuý (H5.302)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)																		
		5					Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.202)	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.202)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuý (H5.302)	CCĐ Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuý (H5.302)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.402)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.403)		Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.403)																	
	Chiều	6			Photoshop Phùng Thị Minh Phương ()	Thiết kế mạng LAN Lê Hoàng ()	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Ngọc Viên (X11.206.PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÂM MẬT+ SÁNH TÀNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TÀNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TÀNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TÀNG 3)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Tạ Văn Khoa (H3.110_TH THCB)	Văn bản pháp qui Nguyễn Thị Hương (H3.203_TH Máy tính)	Thiết kế trình diễn trên máy tính Đồ Viết Tuấn (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Máy và dụng cụ cắt Vũ Minh Cường (X10.204_PHLT Khoa CK)			Lý thuyết điều khiển tự động Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Kỹ thuật số Nguyễn Minh Khang (X22.108)													
		7																													
		8																													
		9																													
		10																													

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025																		
Tuần 17: Từ 05/05 Đến 11/05/2025																		
LỚP			64TĐT1	64TĐT2	64TGK1A	64TKT1	64TKT2	64TKT3_BX	64TLĐ1A	64TLG1	64TLG1A	64TMT1	64TQM1	64TQM1A	64TQM2	64TQM3	64TQM4	
Thứ	Buổi	Tiết																
Thứ 2 05/05	Sáng	1	Trang bị điện Nguyễn Ngọc Tú (X22.104)	Khí cụ điện – điện tử Nguyễn Việt Cường (X22.202)		Lý thuyết tài chính tiền tệ Chu Thị Thu Hoài (H3.205_Khoa SP-KT)			Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)	Quản trị học Nguyễn Hồng Hạnh (H3.105_Khoa SP- KT)		Tiếng anh chuyên ngành Vũ Lệ Thu (H2.302_TH QTM)	Hệ quản trị CSDL Access Phan Hoàng Lan (H3.209.TH Tin học)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)	Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H2.301_TH LR Máy tính)	Ktra: Mạng máy tính-1-2-2024(N06) Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)	Ktra: Hệ quản trị CSDL Access-1-2-2024(N07) Quách Thu Thảo (H2.203_TH Tin Đại cương)	
		2																
		3																
		4																
		5																
	Chiều	6	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.401)	Lịch sử 10_2 Luu Yến Ngọc (H5.304)	Cơ kĩ thuật Đỗ Anh Tuấn (X10.203_PHLT Khoa CK)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.204)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Nguyễn Tuấn Hưng (H3.108_CNTT)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)			
		7		Vật lí 10_2 Chu Thị Tĩnh (H5.304)												Lịch sử 10_2 Luu Yến Ngọc (H5.307)	Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)
		8	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Liên (H5.406)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Tuyền (H5.402)						Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyền (H5.402)					
		9	CCĐ Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.401)											Hoá học 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Lịch sử 10_2 Luu Yến Ngọc (H5.406)	Lịch sử 10_2 Luu Yến Ngọc (H5.406)	Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyền (H5.402)	
		10	HD trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Văn (H5.401)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)		HD trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)						HD trải nghiệm hướng nghiệp Luu Yến Ngọc (H5.406)					HD trải nghiệm hướng nghiệp Luu Yến Ngọc (H5.406)
Thứ 3 06/05	Sáng	1	Trang bị điện Nguyễn Ngọc Tú (X22.104)	Khí cụ điện – điện tử Nguyễn Việt Cường (X22.202)		Lý thuyết tài chính tiền tệ Chu Thị Thu Hoài (H3.205_Khoa SP-KT)			Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)	Quản trị học Nguyễn Hồng Hạnh (H3.105_Khoa SP- KT)			Ktra: Mạng máy tính-1-2-2024(N04) Nguyễn Tuấn Mạnh (H2.301_TH LR Máy tính)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)	Tiếng Anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.107_CNTT)	Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.204.TH KHOA TIN)	
		2																
		3																
		4																
		5																
	Chiều	6	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)	Cơ kĩ thuật Đỗ Anh Tuấn (X10.203_PHLT Khoa CK)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.204)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.203)	Tiếng Anh 2 Trần Thu Hường ()	Khí cụ điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)	CCĐ Hóa học 10_2 Nguyễn Thị Tuyền (H5.406)	CCĐ Hóa học 10_2 Nguyễn Thị Tuyền (H5.406)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)	Ktra: Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo-1-2-2024(N01) Nguyễn Tuấn Hưng (H3.108_CNTT)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)		
		7															Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)
		8	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tĩnh (H5.304)		Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)			Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyển (H5.406)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.402)		Vật lí 10_2 Chu Thị Tĩnh (H5.404)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tĩnh (H5.404)			
		9	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyển (H5.401)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)												CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.204)	CCĐ Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.203)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyển (H5.406)
		10																
Thứ 4 07/05	Sáng	1	Trang bị điện Nguyễn Ngọc Tú (X22.104)	Khí cụ điện – điện tử Nguyễn Việt Cường (X22.202)		Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng (H3.205_Khoa SP-KT)			Vật lý 2 Chu Thị Tĩnh (H5.106)	An toàn lao động Cao Thị Minh (H3.105_Khoa SP- KT)			Hệ quản trị CSDL Access Phan Hoàng Lan (H3.209.TH Tin học)	Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.104)	Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H2.301_TH LR Máy tính)	Hệ quản trị CSDL Access Tạ Văn Khoa (H3.110_TH THCB)	Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.204.TH KHOA TIN)	
		2																
		3																
		4																
		5																
	Chiều	6	Ngữ văn 10_2 Tạ Thị Bích Hồng (H5.401)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Cơ kĩ thuật Đỗ Anh Tuấn (X10.203_PHLT Khoa CK)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)	CCĐ Vật lý 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)	Tiếng Anh 2 Trần Thu Hường ()	Tiếng Anh 2 Nguyễn Thị Nhân (H3.207)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.406)		Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyển (H5.402)	Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.406)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tĩnh (H5.404)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tĩnh (H5.404)	
		7																Lịch sử 10_2 Luu Yến Ngọc (H5.203)
		8	CCĐ Vật lý 10_2 Nguyễn Thị Văn (H5.401)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)		CCĐ Hóa học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)			Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.406)		CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.402)	Công nghệ 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)		Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.404)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.404)		
		9	Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.401)	Lịch sử 10_2 Luu Yến Ngọc (H5.304)		Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.204)										Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)	Lịch sử 10_2 Luu Yến Ngọc (H5.406)
		10																

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025																	
Tuần 17: Từ 05/05 Đến 11/05/2025																	
LỚP			64TS1	64TS2	64TS3_BX	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4	65LCĐC1	65LCĐL1	65LCĐT1	65LCGK1	65LCGK2	65LCKT1	65LCQM1	65LCS1
THỨ	BUỔI	TIẾT															
Thứ 2 05/05	Sáng	1	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Đương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SÁNH TẮNG 2)			Hệ quản trị CSDL Access Lê Thị Chăm (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Mạng máy tính Lê Hoàng (H3.201_TH KTXS)	Tiếng Anh 2 Trần Thu Hường (H3.207)	Hệ quản trị CSDL Access Phùng Thị Minh Phương (H3.111_TH THCB)	Máy điện năng cao Nguyễn Anh Đức (X23.201.Phòng học Truyền động điện)	Trang bị điện năng cao Lê Trung Thịnh (X22.303.LTCM)	Lý thuyết mạch Nguyễn Thị Thanh Thủy (X22.108)				Cấu hình và quản trị thiết bị mạng Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 3 Nguyễn Quang Tiến ()
		2															
		3															
		4															
		5															
	Chiều	6	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuý (H5.301)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng ()	CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tinh (H5.403)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.201)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.201)								
		7	Vật lí 10_2 Chu Thị Tinh (H5.304)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)		Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.403)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.306)										
		8	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	CCĐ Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tinh (H5.201)			Vật lí 10_2 Chu Thị Tinh (H5.201)							
		9		Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)							Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	CCĐ Vật lý 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)			
		10	HD trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.301)		HD trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)			HD trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tinh (H5.201)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tinh (H5.201)						
Thứ 3 06/05	Sáng	1	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Đương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SÁNH TẮNG 2)			Hệ quản trị CSDL Access Lê Thị Chăm (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Mạng máy tính Lê Hoàng (H3.201_TH KTXS)	Mạng máy tính Lê Sơn Thảo (H2.302_TH QTM)	Hệ quản trị CSDL Access Phùng Thị Minh Phương (H3.111_TH THCB)	Máy điện năng cao Nguyễn Anh Đức (X23.201.Phòng học Truyền động điện)	Trang bị điện năng cao Lê Trung Thịnh (X22.303.LTCM)	Lý thuyết mạch Nguyễn Thị Thanh Thủy (X22.108)				Cấu hình và quản trị thiết bị mạng Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 3 Nguyễn Quang Tiến ()
		2															
		3															
		4															
		5															
	Chiều	6	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng ()	Vật lí 10_2 Chu Thị Tinh (H5.403)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.201)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.201)				Tiếng anh chuyên ngành Bùi Thị Len ()				
		7		Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuý (H5.301)		Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.403)											
		8	Vật lí 10_2 Chu Thị Tinh (H5.304)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)			Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)								
		9	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.301)		CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)											
		10				Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.403)	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tinh (H5.201)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tinh (H5.201)								
Thứ 4 07/05	Sáng	1	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Đương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SÁNH TẮNG 2)			Hệ quản trị CSDL Access Lê Thị Chăm (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Mạng máy tính Lê Hoàng (H3.201_TH KTXS)	Mạng máy tính Lê Sơn Thảo (H2.302_TH QTM)	Hệ quản trị CSDL Access Phùng Thị Minh Phương (H3.111_TH THCB)	Máy điện năng cao Nguyễn Anh Đức (X23.201.Phòng học Truyền động điện)	Trang bị điện năng cao Lê Trung Thịnh (X22.303.LTCM)	Lý thuyết mạch Nguyễn Thị Thanh Thủy (X22.108)				Cấu hình và quản trị thiết bị mạng Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 3 Nguyễn Quang Tiến ()
		2															
		3															
		4															
		5															
	Chiều	6	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng ()	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.403)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)	Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)				Tiếng anh chuyên ngành Bùi Thị Len ()				
		7															
		8	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)		Địa lí 10_2 Đương Thị Hồng (H5.403)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.306)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)								
		9	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.301)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.306)			CCĐ Hóa học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)	CCĐ Hóa học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)						
		10	Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	CCĐ Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)													

LỚP			64TS1	64TS2	64TS3_BX	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4	65LCĐC1	65LCĐL1	65LCĐT1	65LCGK1	65LCGK2	65LCKT1	65LCQM1	65LCS1		
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 5 08/05	Sáng	1	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SÁNH TẮNG 2)				Mạng máy tính Lê Hoàng (H3.201_TH KTXS)		Tiếng Anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.208)	Máy điện năng cao Nguyễn Anh Đức (X23.201.Phòng học Truyền động điện)	Trang bị điện năng cao Lê Trung Thịnh (X22.303.LTCM)	Lý thuyết mạch Nguyễn Thị Thanh Thủy (X22.108)			Kế toán hành chính sự nghiệp Bùi Thu Trang ()	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 3 Nguyễn Quang Tiến ()			
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6	Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng ()	Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.403)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.201)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.201)				Phay CNC Bùi Thị Len ()						
		7	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)				Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.306)			CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)				CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)					
		8	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)		Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.403)	CCĐ Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)	CCĐ Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)											
		9	CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)			Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.403)	Vật lí 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	CCĐ Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)	CCĐ Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)										
		10	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)			Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.301)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)										
Thứ 6 09/05	Sáng	1	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SÁNH TẮNG 2)					Mạng máy tính Lê Sơn Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)	Tiếng Anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.208)		Trang bị điện năng cao Lê Trung Thịnh (X22.303.LTCM)	Lý thuyết mạch Nguyễn Thị Thanh Thủy (X22.108)			Kế toán hành chính sự nghiệp Bùi Thu Trang ()	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 3 Nguyễn Quang Tiến ()			
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6			Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng ()								Phay CNC Bùi Thị Len ()		Cấu hình và quản trị thiết bị mạng Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)				
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 7 10/05	Sáng	1											Phay CNC Bùi Thị Len ()		Phân tích hoạt động kinh doanh Trần Huy Quảng ()				
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6	HD trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.102)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.301)		HD trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.201)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.201)					Phay CNC Bùi Thị Len ()	Phân tích hoạt động kinh doanh Trần Huy Quảng ()				
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Chủ nhật 11/05	Sáng	1											Phay CNC Bùi Thị Len ()						
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6												Phay CNC Bùi Thị Len ()					
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	